



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

ĐÀO MẠNH NGHĨA

**ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC
KIỂM TOÁN CHI THUỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
TRONG CUỘC KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG DO
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC III THỰC HIỆN**

TÓM TẮT ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ KẾ TOÁN

Ngành: Kế toán

Mã số: 8340301

Đà Nẵng - Năm 2026

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐN

Người hướng dẫn khoa học: TS. Đoàn Nguyễn Trang Phương

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Đề án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Đề án tốt nghiệp thạc sĩ ngành
Kế toán hợp tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

vào ngày ... tháng ... năm 2026.

Có thể tìm hiểu đề án tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

LỜI MỞ ĐẦU

1. Bối cảnh và hoàn cảnh ra đời của Đề án

Trong hệ thống quản lý tài chính công, ngân sách nhà nước đóng vai trò then chốt, là công cụ quan trọng để Nhà nước bảo đảm nguồn lực tài chính cho quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh chiếm tỷ trọng lớn, có phạm vi rộng, phát sinh thường xuyên và gắn trực tiếp với hoạt động của bộ máy nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập cũng như các lĩnh vực thiết yếu như giáo dục, y tế, quản lý hành chính, an sinh xã hội.

Tuy nhiên, thực tiễn quản lý ngân sách địa phương vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập kéo dài qua các năm. Kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước các năm gần đây liên tục chỉ ra tình trạng: giao dự toán chi thường xuyên chưa sát thực tế (dẫn đến hủy dự toán, chuyển nguồn lớn); sử dụng nguồn cải cách tiền lương không đúng quy định; tiết kiệm chi thường xuyên chưa đạt chỉ tiêu giao; chi không đạt dự toán ở một số lĩnh vực trọng yếu (giáo dục, y tế, khoa học công nghệ); lập và phân bổ dự toán chưa hợp lý, gây lãng phí, thất thoát nguồn lực; cũng như một số sai sót trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công tại địa phương. Những tồn tại này không chỉ làm giảm hiệu quả, hiệu lực sử dụng ngân sách mà còn ảnh hưởng đến tính minh bạch, kỷ luật tài chính và khả năng thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Trong bối cảnh đó, Kiểm toán nhà nước khu vực III thực hiện kiểm toán ngân sách địa phương (trong đó có chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh) là một kênh giám sát độc lập, khách quan và quan trọng, góp phần phát hiện kịp thời các sai sót, kiến nghị xử lý và hoàn thiện cơ chế quản lý. Tuy nhiên, thực tế tổ chức và thực hiện kiểm toán vẫn cần tiếp tục đánh giá để nâng cao chất lượng, khắc phục những hạn chế về phương pháp, phạm vi, cũng như tăng cường tính tư vấn, hỗ trợ cho địa phương.

Xuất phát từ những yêu cầu cấp thiết trên, việc nghiên cứu **Đề án “Hoàn thiện công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh trong cuộc kiểm toán Ngân sách địa phương do Kiểm toán nhà nước khu vực III thực hiện”** là hết sức cần thiết. Đề án nhằm làm rõ thực trạng tổ chức, thực hiện kiểm toán; phân tích những kết quả đạt được, chỉ ra các hạn chế, bất cập; đồng thời đề xuất các khuyến cáo, giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm toán, góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực công và hỗ trợ tốt hơn cho công tác quản lý, điều hành ngân sách cấp tỉnh.

2. Mục tiêu nghiên cứu của Đề án

Mục tiêu nghiên cứu chung:

- Đánh giá thực trạng công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh trong cuộc kiểm toán ngân sách địa phương do KTNN KV III thực hiện, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

Mục tiêu nghiên cứu cụ thể

- Đánh giá thực trạng công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh trong cuộc kiểm toán NSDP do KTNN KV III thực hiện

- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh trong cuộc kiểm toán NSDP do KTNN KV III thực hiện

- Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh trong cuộc kiểm toán NSDP do KTNN KV III thực hiện

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Đề án

4. Tầm quan trọng và tác động của Đề án

5. Kết cấu của Đề án

Đề án được kết cấu thành 02 chương chính

- Chương I: Thực trạng công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh trong cuộc kiểm toán ngân sách địa phương do Kiểm toán nhà nước Khu vực III thực hiện

Chương này giới thiệu khái quát về KTNN Khu vực III, phân tích thực trạng kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh (lấy cuộc kiểm toán NSDP tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 làm ví dụ điển hình), đánh giá các kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế tồn tại, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán và nêu rõ những thách thức đặt ra.

- Chương II: Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh

Chương này trình bày hệ thống giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những hạn chế đã nêu ở Chương I, bao gồm:

2.1. Mục tiêu của giải pháp

2.2. Cơ sở cơ sở lý luận, quy định pháp lý và chuẩn mực kiểm toán nhà nước về kiểm toán ngân sách địa phương và pháp lý của giải pháp

2.3. Các giải pháp cụ thể (06 giải pháp)

Kết luận

Phần Kết luận tóm tắt quá trình nghiên cứu, các hạn chế chính đã xác định, hệ thống giải pháp đề xuất, kết quả dự kiến đạt được và những bài học kinh nghiệm rút ra.

CHƯƠNG 1: BÁO CÁO THỰC TẾ VỀ CÔNG TÁC KIỂM TOÁN CHI THUỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH TRONG CUỘC KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG DO KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC III THỰC HIỆN

1.1. Khái quát về Kiểm toán nhà nước khu vực III

1.1.1. Giới thiệu chung về Kiểm toán nhà nước khu vực III

Kiểm toán nhà nước khu vực III là đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước, có trụ sở tại thành phố Đà Nẵng, thực hiện chức năng kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công trên địa bàn được phân công, hiện nay gồm thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi. Với vai trò là đơn vị kiểm toán khu vực, KTNN khu vực III thực hiện kiểm toán ngân sách địa phương, các dự án đầu tư xây dựng, doanh nghiệp nhà nước và các chuyên đề kiểm toán, góp phần nâng cao kỷ luật tài chính - ngân sách và hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước.

1.1.2. Tổ chức hoạt động của KTNN khu vực III

a) Đặc điểm tổ chức hoạt động

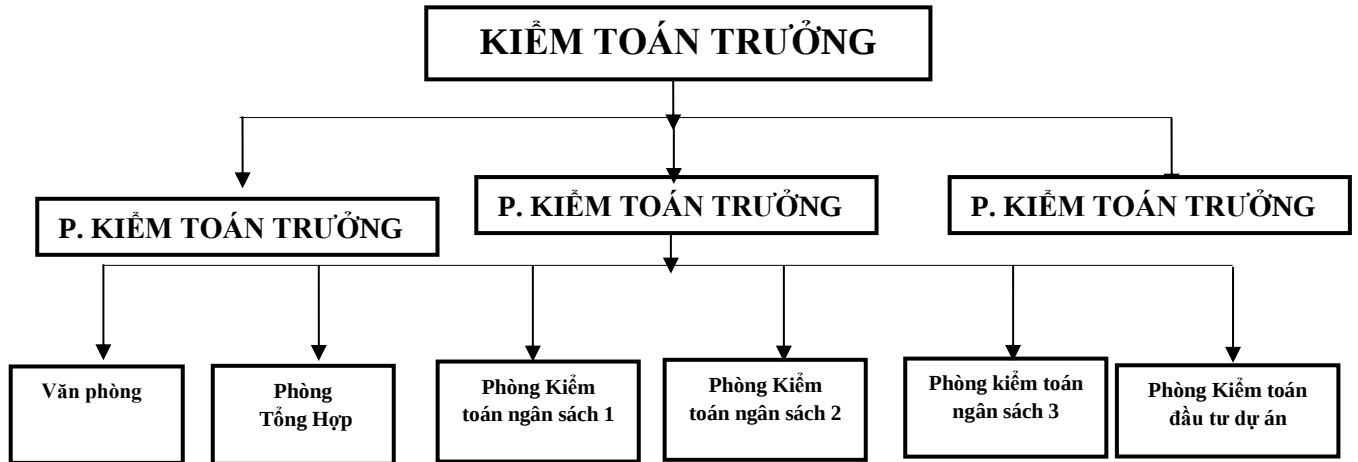
Kiểm toán nhà nước khu vực III là đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc Kiểm toán nhà nước, có chức năng thực hiện kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công trên địa bàn được phân công. Vì vậy, hoạt động chủ yếu của đơn vị là hoạt động kiểm toán, được tổ chức thực hiện theo kế hoạch kiểm toán hằng năm do Tổng Kiểm toán nhà nước giao và theo quy trình nghiệp vụ thống nhất của ngành.

Kiểm toán nhà nước khu vực III triển khai các cuộc kiểm toán ngân sách địa phương, kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động, kiểm toán chuyên đề và kiểm toán các dự án đầu tư xây dựng. Đối với từng cuộc kiểm toán cụ thể, đơn vị thành lập đoàn kiểm toán, các tổ kiểm toán và phân công kiểm toán viên thực hiện từng nội dung, từng lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc tổ chức hoạt động theo mô hình này giúp đơn vị bảo đảm tính tập trung trong chỉ đạo, đồng thời phát huy tính chuyên môn hóa trong thực hiện nhiệm vụ.

Hoạt động kiểm toán tại Kiểm toán nhà nước khu vực III được tiến hành theo một quy trình tương đối chặt chẽ, gồm các bước cơ bản như: khảo sát, thu thập thông tin; lập kế hoạch kiểm toán; thực hiện kiểm toán; lập biên bản và báo cáo kiểm toán; theo dõi việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán. Trong đó, mỗi giai đoạn đều có sự tham gia và phối hợp của các bộ phận chức năng, các phòng nghiệp vụ và các thành viên trong đoàn kiểm toán nhằm bảo đảm cuộc kiểm toán được thực hiện đúng quy định, đúng tiến độ và đạt chất lượng.

b) Đặc điểm tổ chức quản lý

Để thực hiện nhiệm vụ kiểm toán ngân sách địa phương trên địa bàn khu vực, KTNN khu vực III được tổ chức theo bộ máy trực tuyến bao gồm Kiểm toán trưởng, các Phó kiểm toán trưởng và 6 phòng chức năng.



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý

1.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kiểm toán của Kiểm toán nhà nước Khu vực III

a) Tổ chức công tác kiểm toán

b) Quy trình Kiểm toán

Hiện nay, quy trình kiểm toán cuộc kiểm toán Ngân sách địa phương của KTNN khu vực III được thực hiện theo quy trình chung của Kiểm toán nhà nước theo Quyết định số 10/2025/QĐ-KTNN ngày 03/3/2025

Quy trình kiểm toán của Kiểm toán nhà nước gồm 4 giai đoạn chính: Chuẩn bị kiểm toán, Thực hiện kiểm toán, Lập và gửi báo cáo kiểm toán, Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.

❖ Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán

Ở giai đoạn này, KTVNN và Đoàn kiểm toán cần thực hiện các công việc sau:

- Khảo sát và thu thập thông tin
- Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và thông tin đã thu thập
- Lập kế hoạch kiểm toán tổng quát
- Phê duyệt Quyết định kiểm toán và chuẩn bị điều kiện

❖ Giai đoạn thực hiện kiểm toán

- Công bố Quyết định kiểm toán và lập kế hoạch kiểm toán chi tiết
- Thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán
- Lập biên bản xác nhận số liệu và biên bản kiểm toán của Tổ

❖ Giai đoạn lập và gửi báo cáo kiểm toán

- Lập dự thảo báo cáo kiểm toán
- Xét duyệt dự thảo báo cáo
- Gửi lấy ý kiến và thông báo kết quả kiểm toán

- Hoàn thiện và phát hành báo cáo kiểm toán

❖ **Giai đoạn theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán**

- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kiến nghị
- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kiến nghị
- Lập báo cáo kiểm tra và công khai kết quả

Thiết lập và thực hiện quy trình, chính sách kiểm toán

c) Mối quan hệ giữa các bộ phận trong thực hiện công tác kiểm toán

1.2. Đánh giá về thực trạng về hoạt động kiểm toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cấp tỉnh của kiểm toán nhà nước khu vực iii

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm tổ chức hoạt động của Kiểm toán nhà nước khu vực III, Đề án lựa chọn Cuộc kiểm toán ngân sách địa phương tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 làm ví dụ điển hình để phản ánh thực tế công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh

1.2.1. Thực tế kiểm toán chi thường xuyên Ngân sách địa phương cấp tỉnh Quảng Ngãi do Kiểm toán nhà nước khu vực III thực hiện

Bước 1: Chuẩn bị kiểm toán

KTNN KV III thành lập Đoàn khảo sát thu thập thông tin; lập kế hoạch kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2024 của tỉnh Quảng Ngãi gồm 10 thành viên theo Quyết định số 93/QĐ-KVIII ngày 20/12/2024 (Phụ lục 05/BCTT); Đồng thời, ban hành Đề cương khảo sát thu thập thông tin lập kế hoạch kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2024 và các chuyên đề tại tỉnh Quảng Ngãi (Phụ lục 06/BCTT).

Sau đó, KTNN KV III gửi công văn số 510/KVIII-TH ngày 18/12/2024 tới Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc cung cấp các hồ sơ tài liệu, mẫu biểu để lập kế hoạch kiểm toán chi tiết của Cuộc kiểm toán NSDP tỉnh Quảng Ngãi (Phụ lục 07/BCTT). Và thông báo thời gian khảo sát, lập kế hoạch kiểm toán theo Công văn số 518/KVIII-TH ngày 20/12/2024 tới UBND tỉnh Quảng Ngãi; thời gian làm việc từ ngày 26/12/2024-03/1/2025

Trên cơ sở các tài liệu, hồ sơ thu thập được, KTNN KV III ban hành kế hoạch kiểm toán chi tiết đối với nội dung chi thường xuyên ngân sách tỉnh bao gồm: mục tiêu kiểm toán, nội dung và phạm vi kiểm toán, phương pháp và thủ tục kiểm toán, thời gian thực hiện và phân công nhiệm vụ cho các kiểm toán viên. Các nội dung chính trong kế hoạch kiểm toán chi tiết như sau: (Chi tiết theo phụ lục 01 - Kế hoạch kiểm toán chi tiết của tổ Kiểm toán)

- Thông tin chung về đơn vị được kiểm toán, tình hình quản lý tài chính
- Đánh giá Hệ thống kiểm soát nội bộ
- Mục tiêu kiểm toán
- Đánh giá rủi ro kiểm toán

Bước 2: Thực hiện kiểm toán các nội dung chi thường xuyên ngân sách tỉnh

Trong giai đoạn này, KTVNN tập trung kiểm tra, đối chiếu, phân tích và đánh giá việc chấp hành, quản lý, sử dụng các khoản chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh. Các nội dung chính được thực hiện như sau:

Giai đoạn thực hiện kiểm toán được triển khai theo kế hoạch kiểm toán đã được Trường đoàn kiểm toán NSDP tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt. Trên cơ sở mục tiêu, nội dung và phạm vi kiểm toán đã xác định trong kế hoạch kiểm toán chi tiết, Tổ kiểm toán tiến hành kiểm toán trực tiếp tại các đơn vị như Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi, Kho bạc Nhà nước khu vực XII và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc quản lý và sử dụng ngân sách địa phương.

Tại Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi, Tổ kiểm toán tập trung kiểm tra việc lập, phân bổ và điều hành dự toán chi thường xuyên ngân sách; việc chi bổ sung ngân sách cho cấp dưới; việc quản lý và sử dụng dự phòng ngân sách, nguồn tăng thu và thường vượt thu. Đồng thời kiểm toán việc quản lý, sử dụng các khoản chi khác ngân sách, việc ghi thu - ghi chi ngân sách và việc quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.

Tại Kho bạc Nhà nước khu vực XII, Tổ kiểm toán kiểm tra việc hạch toán và phản ánh số liệu thu, chi ngân sách đảm bảo đúng niên độ và mục lục ngân sách theo quy định; kiểm toán công tác kiểm soát chi thường xuyên, bao gồm điều kiện chi, hồ sơ thanh toán và quy trình cấp phát kinh phí cho các đơn vị sử dụng ngân sách. Đồng thời thực hiện đối chiếu số liệu chi ngân sách giữa Kho bạc Nhà nước.

Một số các nội dung kiểm toán cụ thể:

1. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi thường xuyên
2. Kiểm toán việc chi bổ sung kinh phí cho ngân sách cấp dưới
3. Kiểm toán việc quản lý, sử dụng dự phòng ngân sách và nguồn tăng thu, thường vượt thu
4. Kiểm toán chi hỗ trợ các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và chi khác ngân sách
5. Kiểm toán chi ngân sách bằng lệnh chi tiền và chi hỗ trợ cho các đơn vị
6. Kiểm toán việc ghi thu, ghi chi ngân sách
7. Kiểm toán quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và Quỹ dự trữ tài chính

Bước 3: Kết thúc kiểm toán:

Kết thúc kiểm toán là giai đoạn Đoàn kiểm toán tổng hợp kết quả kiểm toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh tại các đơn vị được kiểm toán như Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước. Trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán thu thập được, Đoàn kiểm toán đánh giá việc lập, phân bổ và chấp hành dự toán chi thường xuyên, xác định các sai sót, sai phạm (nếu có) và lập biên bản kiểm toán với đơn vị được kiểm toán. Sau đó, Đoàn kiểm toán xây dựng dự thảo báo cáo kiểm toán, tiếp nhận ý kiến giải trình của đơn vị và hoàn thiện báo cáo kiểm toán trình Kiểm toán trưởng phê duyệt, làm cơ sở cho việc ban hành kết luận và kiến nghị kiểm toán. (chi tiết Báo cáo kiểm toán theo Phụ lục 08/BCTT)

Bước 4: Thực hiện và theo dõi kiến nghị kiểm toán

Sau khi ban hành Biên bản kiểm toán và Báo cáo kiểm toán, Đoàn kiểm toán chuyển kiến nghị cho Sở Tài chính và KBNN khu vực XII (Quảng Ngãi) thực hiện. Các kiến nghị chủ yếu tập trung vào: thu hồi các khoản chi sai chế độ bằng lệnh chi tiền, điều chỉnh quyết toán chi thường xuyên, chấn chỉnh quản lý tài sản công, hoàn thiện quy trình kiểm soát chi chuyển nguồn...

Việc theo dõi được thực hiện qua văn bản đôn đốc định kỳ, làm việc trực tiếp và kiểm tra hồ sơ thực hiện kiến nghị. Tuy nhiên, thực tế cho thấy một số kiến nghị thuộc lĩnh vực chi thường xuyên và lệnh chi tiền còn thực hiện chậm do đơn vị viện dẫn khó khăn về nguồn lực hoặc chờ văn bản hướng dẫn mới.

1.2.2. Đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế về công tác Kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh tại Kiểm toán nhà nước khu vực III trên cơ sở so sánh giữa cơ sở lý luận, quy định pháp lý và chuẩn mực kiểm toán nhà nước về kiểm toán ngân sách địa phương và thực tiễn quan sát được

1.2.2.1. Đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế trong công tác kiểm toán trên cơ sở so sánh thực tiễn quan sát được với cơ sở lý luận, quy định pháp lý và chuẩn mực kiểm toán nhà nước về kiểm toán ngân sách địa phương

Phân tích, đánh giá về công tác kiểm toán chi thường xuyên NSDP cấp tỉnh tại Kiểm toán nhà nước khu vực III

Đánh giá theo từng nội dung chi tiết:

a) Kế hoạch kiểm toán chi tiết

Kế hoạch kiểm toán chi tiết của Tổ kiểm toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh nhìn chung được lập đúng theo quy định, đã cụ thể hóa kế hoạch kiểm toán tổng quát của Đoàn và xác định tương đối rõ mục tiêu, nội dung, phạm vi, thời hạn kiểm toán cũng như phân công nhiệm vụ cho từng kiểm toán viên. Đây là điểm tích cực, vì kế hoạch kiểm toán là căn cứ trực tiếp để triển khai công việc tại đơn vị được kiểm toán.

Tuy nhiên, khi xem xét kỹ hơn, vẫn có thể nhận thấy một số hạn chế:

(1) Mục tiêu kiểm toán chưa phân biệt thật rõ theo từng đơn vị được kiểm toán

(2) Nội dung kiểm toán còn rộng nhưng chưa thật sự nhấn trọng tâm

(3) Phương án chọn mẫu chưa thể hiện rõ

(4) Đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu còn chung và chưa xác định theo từng đơn vị kiểm toán

(b) Quá trình thực hiện kiểm toán

(1) Phân công công việc có lúc chồng chéo, gián đoạn về thời gian

(2) Một số vị trí phải kiêm nhiệm nội dung trọng yếu

(c) Thu thập bằng chứng kiểm toán

(1) Tuy nhiên, hạn chế lớn là bằng chứng kiểm toán vẫn chủ yếu dựa trên hồ sơ giấy và tài liệu tổng hợp do đơn vị cung cấp: Cách tiếp cận này giúp kiểm toán viên có căn cứ pháp lý để làm việc, nhưng đồng thời cũng làm cho quá trình kiểm toán phụ thuộc khá nhiều vào mức độ đầy đủ, chính xác và kịp thời của hồ sơ do đơn vị được kiểm toán chuẩn bị. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc việc tổng hợp số liệu còn sai sót, kiểm toán viên phải mất thêm thời gian để đối chiếu, xác minh và làm rõ nguyên nhân.

(2) Việc khai thác dữ liệu điện tử và phần mềm quản lý chưa được thể hiện rõ trong quá trình thu thập bằng chứng:

(3) Đối với các đơn vị như Sở Tài chính và KBNN, thực tế công tác quản lý ngân sách đã gắn với nhiều phần mềm và hệ thống dữ liệu như Tabmis, eOffice hoặc các phần mềm tổng hợp nội

bộ. Tuy nhiên, trong quá trình kiểm toán, việc khai thác các nguồn dữ liệu điện tử này chưa được thể hiện là một phương thức thu thập bằng chứng nổi bật. Điều đó làm cho kiểm toán vẫn thiên nhiều về kiểm tra hồ sơ sẵn có hơn là phân tích dữ liệu trực tiếp từ hệ thống quản lý.

- Đối với các nội dung phức tạp, kế hoạch thu thập bằng chứng chưa được mô tả thành từng nhóm hồ sơ rõ ràng:

- Những nội dung như chi chuyển nguồn, tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp, quỹ tài chính ngoài ngân sách, nguồn cải cách tiền lương hay tài sản công đều là các nội dung có tính chất phức tạp, cần thu thập bằng chứng theo chuỗi. Ví dụ, đối với nguồn cải cách tiền lương cần có quyết định giao nguồn, bảng tổng hợp nguồn, số thẩm định, số quyết toán, phần giải trình của địa phương; đối với chi chuyển nguồn cần có quyết định chuyển nguồn, số kế toán, báo cáo tổng hợp và căn cứ pháp lý của từng khoản chuyển. Tuy nhiên, thực tế kế hoạch kiểm toán chưa mô tả rõ các nhóm hồ sơ cần thu thập cho từng nội dung như vậy.

- Cách thu thập bằng chứng hiện tại dễ dẫn đến việc kiểm toán viên kiểm tra hồ sơ theo hướng có gì xem nấy, thay vì đi theo một chuỗi logic chứng minh vấn đề:

- Khi chưa xác định rõ cần thu thập loại hồ sơ nào cho từng nội dung trọng yếu, kiểm toán viên có thể rơi vào tình trạng tập trung vào các tài liệu sẵn có, trong khi một số bằng chứng quan trọng khác lại chưa được yêu cầu đầy đủ. Điều này ảnh hưởng đến chiều sâu của kết luận kiểm toán và có thể làm cho kiến nghị kiểm toán chưa thật sự chặt chẽ về căn cứ.

Ảnh hưởng của hạn chế này đối với chất lượng kiểm toán là khá rõ:

Nếu bằng chứng thu thập chưa được tổ chức theo từng nhóm nội dung, chưa gắn chặt với rủi ro kiểm toán và chưa khai thác tốt dữ liệu điện tử, thì việc hình thành ý kiến kiểm toán sẽ chủ yếu dựa trên kiểm tra thủ công và xét đoán cá nhân của kiểm toán viên. Điều đó có thể làm giảm tính kịp thời, tính hệ thống và mức độ thuyết phục của kết luận kiểm toán, đặc biệt đối với các nội dung có giá trị lớn hoặc có tính chất phức tạp.đ) Hồ sơ kiểm toán

(6) Hồ sơ kiểm toán: Nội dung trong biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của kiểm toán viên phù hợp với các nội dung xác định trong kế hoạch kiểm toán chi tiết của tổ kiểm toán.

Ưu điểm: Biên bản xác nhận số liệu cơ bản phù hợp với kế hoạch tổ; Đảm bảo lưu trữ theo quy định.

- Nhược điểm: Biên bản xác nhận chưa phản ánh đầy đủ quá trình phân tích rủi ro, đánh giá KSNB và thu thập bằng chứng (chủ yếu ghi “đã kiểm tra hồ sơ” thay vì mô tả thủ tục cụ thể)

Đánh giá chung về điểm mạnh và điểm yếu

❖ Điểm mạnh

- Công tác kiểm toán được triển khai đúng trình tự, đúng quy trình.
- Kế hoạch kiểm toán chi tiết được lập tương đối đầy đủ, có phân công nhiệm vụ rõ ràng.
- Nội dung kiểm toán bao quát được nhiều lĩnh vực trọng yếu của chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh.

- Phát hiện kiểm toán có giá trị thực tiễn, gắn với những vấn đề quản lý cụ thể của địa phương.

- Kết quả kiểm toán được lượng hóa khá rõ, tạo cơ sở cho việc xử lý và chấn chỉnh.

- Hồ sơ kiểm toán, biên bản kiểm toán và phụ lục số liệu được lập tương đối đầy đủ.

❖ Điểm yếu

- Mục tiêu kiểm toán giữa các đơn vị chưa phân hóa thật rõ.

- Đánh giá rủi ro còn chung, chưa gắn chặt với từng khoản mục trọng yếu.

- Phương pháp và thủ tục kiểm toán đặc thù chưa được mô tả sâu trong kế hoạch.

- Phương án chọn mẫu, số lượng mẫu, tiêu chí chọn mẫu chưa được nêu rõ.

- Quá trình thực hiện kiểm toán có lúc chông chéo, thiếu cơ chế xử lý tình huống phát sinh.

- Việc khai thác dữ liệu điện tử và sử dụng công cụ phân tích dữ liệu còn hạn chế.

- Nhật ký và hồ sơ kiểm toán chưa phản ánh đầy đủ chiều sâu phân tích.

Những thách thức đặt ra

Từ thực tế trên, có thể nhận diện một số thách thức chính đối với công tác kiểm toán chi thường xuyên NSDP cấp tỉnh tại KTNN khu vực III:

- Khối lượng chi thường xuyên lớn, phạm vi rộng, liên quan đến nhiều đơn vị, nhiều lĩnh vực và nhiều loại nguồn kinh phí.
 - Nhiều nội dung có tính phức tạp cao, như cải cách tiền lương, bổ sung có mục tiêu, quỹ tài chính ngoài ngân sách, chi chuyển nguồn, tài sản công.
 - Chính sách và cơ chế quản lý ngân sách thay đổi liên tục, buộc kiểm toán viên phải cập nhật nhanh và xử lý chính xác.
 - Ứng dụng Công nghệ thông tin trong kiểm toán chưa theo kịp yêu cầu thực tế, trong khi dữ liệu tài chính - ngân sách ngày càng lớn và phân tán.
 - Áp lực tiến độ kiểm toán cao, dễ làm giảm thời gian dành cho những nội dung cần đi sâu.
- Chất lượng bằng chứng kiểm toán phụ thuộc khá nhiều vào hồ sơ do đơn vị cung cấp, nên nếu công tác chuẩn bị bằng chứng không kỹ thì kết luận dễ thiếu độ chặt chẽ.

1.2.2.2. Nhận xét về các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động kiểm toán

Để làm rõ bản chất của những mặt đã làm được và chưa làm được, việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động kiểm toán là rất cần thiết. Các nhân tố này bao gồm cả yếu tố nội tại của đơn vị kiểm toán và yếu tố ngoại tại từ môi trường quản lý ngân sách, từ đó giúp làm rõ nguyên nhân gốc rễ của những hạn chế và định hướng cho các giải pháp hoàn thiện trong thời gian tới.

(1) Tính độc lập và khách quan của kiểm toán viên:

(2) Trình độ và năng lực của kiểm toán viên:

(3) Chế độ và chính sách liên quan đến ngân sách địa phương:

- (4) Môi trường kinh tế vĩ mô:
- (5) Sự phối hợp giữa các cơ quan liên ngành:
- (6) Hệ thống công nghệ thông tin và phần mềm hỗ trợ kiểm toán:

CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH TRONG CUỘC KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG DO KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC III THỰC HIỆN

2.1. Mục tiêu của giải pháp

Dựa trên đánh giá thực trạng công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh trong cuộc kiểm toán NSDP năm 2025 tại tỉnh Quảng Ngãi do KTNN Khu vực III thực hiện, các giải pháp đề xuất nhằm khắc phục trực tiếp những hạn chế đã nêu ở Chương I.

Mục tiêu tổng quát: Hoàn thiện Hoàn thiện công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh theo mô hình ngân sách 3 cấp của Luật Ngân sách Nhà nước 2025, đảm bảo phát hiện chính xác, kịp thời các sai phạm trong chi thường xuyên, đưa ra kiến nghị cụ thể và khả thi để thu hồi, xử lý và chấn chỉnh quản lý, góp phần minh bạch hóa quản lý tài chính công, giảm thiểu lãng phí và thất thoát ngân sách nhà nước tại địa phương, đồng thời phù hợp với Chiến lược phát triển KTNN đến năm 2030.

Mục tiêu cụ thể:

- ❖ Đề xuất quy trình và hướng dẫn lập kế hoạch kiểm toán chi tiết cho từng cuộc kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh, trong đó xác định rõ mục tiêu kiểm toán riêng biệt cho từng đơn vị (Sở Tài chính, KBNN và các đơn vị sử dụng ngân sách), đánh giá rủi ro chi tiết theo từng khoản mục trọng yếu (dự phòng ngân sách, chi bổ sung có mục tiêu, cải cách tiền lương, lệnh chi tiền, quỹ ngoài ngân sách...), đồng thời nêu rõ tiêu chí, phương pháp và số lượng mẫu chọn kiểm tra nhằm khắc phục tình trạng đánh giá rủi ro chung chung và phương án chọn mẫu chưa cụ thể như hiện nay.
- ❖ Đề xuất phương pháp và hướng dẫn thủ tục kiểm toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh, kết hợp tăng cường khai thác dữ liệu từ hệ thống TABMIS, eOffice và các công cụ phân tích dữ liệu, nhằm giảm tình trạng chồng chéo về thời gian thực hiện, hạn chế khai thác dữ liệu điện tử và nâng chất lượng bằng chứng kiểm toán tại KTNN Khu vực III.
- ❖ Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng định kỳ dành riêng cho kiểm toán viên KTNN Khu vực III tham gia kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh, tập trung vào kiến thức ngân sách 3 cấp, kỹ năng đánh giá rủi ro theo khoản mục, phân tích dữ liệu TABMIS và ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm toán, nhằm khắc phục hạn chế về trình độ và năng lực KTV trong bối cảnh mô hình ngân sách mới.
- ❖ Xây dựng cơ chế phối hợp chính thức, định kỳ với các cơ quan liên quan tại địa phương (Thanh tra tỉnh, Kho bạc Nhà nước, cơ quan tổ tụng) để trao đổi thông tin, tránh chồng chéo phạm vi kiểm toán/thanh tra, khai thác hiệu quả dữ liệu sẵn có và đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định kiểm toán phù hợp với đặc thù các tỉnh thuộc khu vực III.

2.2. Cơ sở lý luận, quy định pháp lý và chuẩn mực kiểm toán nhà nước về kiểm toán ngân sách địa phương và pháp lý của giải pháp

2.2.1. Chuẩn mực kiểm toán nhà nước về kiểm toán ngân sách địa phương

2.2.1.1. *Chuẩn mực kiểm toán nhà nước về kiểm toán ngân sách địa phương kiểm toán dựa trên rủi ro*

2.2.1.2. *Cơ sở lý luận về kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro:*

2.2.1.3. *Quy định pháp lý và chuẩn mực kiểm toán nhà nước về kiểm toán ngân sách địa phương về chất lượng kiểm toán và giá trị gia tăng của kiểm toán công*

2.2.2. Luật và các văn bản dưới luật

- ❖ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025
- ❖ Các văn bản dưới luật của KTN
- ❖ Các văn bản của Bộ Tài chính
- ❖ Thông tư hướng dẫn xây dựng và lập dự toán ngân sách nhà nước
- ❖ Thông tư quy định tổ chức thực hiện, phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước
- ❖ Thông tư quy định mẫu biểu và báo cáo quyết **toán**

2.2.3. Định hướng chiến lược phát triển Kiểm toán nhà nước đến năm 2030

2.3. Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh trong cuộc kiểm toán Ngân sách địa phương do Kiểm toán nhà nước khu vực III thực hiện

Dựa trên 5 mục tiêu đã nêu tại mục 2.1 và những hạn chế đã chỉ ra ở Chương I, đề án đề xuất 6 giải pháp cụ thể sau đây.

2.3.1. Giải pháp 1: Áp dụng mô hình lập kế hoạch kiểm toán dựa trên rủi ro (RBA-Risk-Based Auditing)

a) Nội dung giải pháp:

Giải pháp tập trung áp dụng toàn diện mô hình lập kế hoạch kiểm toán dựa trên rủi ro (Risk-Based Audit - RBA) trong toàn bộ công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh. Cụ thể, KTN Khu vực III cần thực hiện các nội dung chính sau:

- Xác định mục tiêu kiểm toán riêng cho từng đơn vị được kiểm toán: Mục tiêu phải được xây dựng riêng cho Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước và từng nhóm đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh. Mỗi mục tiêu phải cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm hoạt động của đơn vị đó (ví dụ: mục tiêu kiểm toán tại Sở Tài chính tập trung vào việc lập, phân bổ, giao dự toán; mục tiêu tại Kho bạc tập trung vào kiểm soát chi và hạch toán).

- Đánh giá rủi ro kiểm toán theo từng khoản mục trọng yếu: Phải đánh giá rủi ro một cách chi tiết cho từng khoản chi quan trọng như: dự phòng ngân sách, cải cách tiền lương, lệnh chi tiền, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, chi chuyển nguồn, ghi thu - ghi chi ngân sách và các khoản chi khác. Việc đánh giá sẽ phân biệt rõ rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát (do hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị), đồng thời sử dụng dữ liệu thực tế 3 năm gần nhất để làm cơ sở.

- Xác định ngưỡng trọng yếu (theo Chuẩn mực KTNN số 1320) và tiêu chí, phương pháp chọn mẫu (theo Chuẩn mực KTNN số 1330), kết hợp giữa phương pháp thống kê và phi thống kê dựa trên xét đoán chuyên môn.

2.3.2. Giải pháp 2. Khai thác dữ liệu TABMIS, eOffice và áp dụng bộ thủ tục kiểm toán đặc thù

a) Nội dung giải pháp:

- Tăng cường khai thác và phân tích dữ liệu từ hệ thống TABMIS, eOffice và các hệ thống thông tin khác** Kiểm toán viên bắt buộc phải sử dụng dữ liệu điện tử làm nguồn bằng chứng chính thay vì chỉ dựa vào hồ sơ giấy do đơn vị cung cấp. Các công việc cụ thể bao gồm: trích xuất, kiểm tra chéo số liệu giữa Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước; phân tích xu hướng, phát hiện bất thường; lọc và chọn mẫu tự động.
- Xây dựng và áp dụng hướng dẫn thủ tục kiểm toán** cho từng nội dung chi thường xuyên trọng yếu (dự phòng ngân sách, cải cách tiền lương, lệnh chi tiền, quỹ ngoài ngân sách, chi bổ sung có mục tiêu, chi chuyển nguồn...). Bộ thủ tục này cần quy định rõ: tài liệu cần thu thập, trình tự kiểm tra, điểm kiểm tra then chốt, mẫu biên bản và cách kết luận.

KTNN Khu vực III cần ban hành một hướng dẫn nội bộ mang tên “Hướng dẫn thủ tục kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh”. Văn bản này sẽ là tài liệu bắt buộc áp dụng cho tất cả các đoàn kiểm toán khi thực hiện kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh. Cụ thể, Cẩm nang cần quy định rõ hai nội dung chính sau:

- Bắt buộc khai thác dữ liệu từ hệ thống TABMIS và eOffice
- Tất cả kiểm toán viên phải sử dụng dữ liệu điện tử để kiểm tra chéo số liệu giữa dự toán - thực hiện - quyết toán. Không được chỉ dựa vào hồ sơ giấy do đơn vị cung cấp.

2.3.3. Giải pháp 3: Xây dựng và tổ chức chương trình đào tạo riêng cho kiểm toán viên kiểm toán chi thường xuyên NSDP

a) Nội dung giải pháp:

KTNN Khu vực III cần xây dựng và tổ chức chương trình đào tạo, bồi dưỡng định kỳ dành riêng cho kiểm toán viên tham gia kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh. Chương trình gồm 02 khóa bắt buộc mỗi năm (mỗi khóa 5-7 ngày, tổng 140 giờ/năm). Toàn bộ chương trình kết hợp lý thuyết 30% và thực hành 70%, sử dụng dữ liệu thực tế từ các cuộc kiểm toán NSDP của KTNN Khu vực III trong các năm gần đây.

Chi tiết nội dung đào tạo gồm 04 Chuyên đề chính:

Chuyên đề 1: Kiến thức chuyên sâu về ngân sách 3 cấp và Luật Ngân sách Nhà nước 2025 (40 giờ)

- Giải thích rõ mô hình ngân sách 3 cấp, phân cấp nguồn thu - nhiệm vụ chi, nguyên tắc minh bạch, tiết kiệm và trách nhiệm giải trình.
- Các quy định cụ thể về dự phòng ngân sách, cải cách tiền lương, lệnh chi tiền, quỹ ngoài ngân sách, bổ sung có mục tiêu...

Chuyên đề 2: Kỹ năng đánh giá rủi ro theo từng khoản mục trọng yếu (40 giờ)

- Phương pháp đánh giá rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát theo mô hình RBA.
- Xây dựng ma trận rủi ro cho từng khoản chi.

Chuyên đề 3: Kỹ năng khai thác và phân tích dữ liệu TABMIS, eOffice (40 giờ)

- Hướng dẫn trích xuất, kiểm tra chéo số liệu giữa Sở Tài chính và Kho bạc.
- Cách lọc dữ liệu lớn và chọn mẫu tự động.

Chuyên đề 4: Xét đoán chuyên môn, viết báo cáo và kiến nghị (20 giờ)

- Cách ghi nhật ký kiểm toán chi tiết và viết kiến nghị cụ thể, khả thi.

2.3.4. Giải pháp 4: Xây dựng cơ chế phối hợp chính thức với các cơ quan liên quan tại địa phương

a) Nội dung giải pháp: KTNN Khu vực III cần ký ban hành “Quy chế phối hợp trao đổi thông tin và xử lý sai phạm trong kiểm toán ngân sách địa phương” với ba cơ quan: Thanh tra tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh (Khu vực XII) và cơ quan tố tụng (Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh).

Đây là văn bản pháp lý chính thức, được ký bởi Kiểm toán trưởng KTNN Khu vực III và lãnh đạo các cơ quan liên quan, có hiệu lực ngay sau khi ký.

Chi tiết nội dung Quy chế cơ bản gồm 6 Điều, kèm ví dụ thực tế:

Phạm vi phối hợp: Áp dụng cho tất cả cuộc kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh và ngân sách địa phương do KTNN Khu vực III thực hiện tại Đà Nẵng và Quảng Ngãi.

- Trao đổi thông tin định kỳ và đột xuất
- Tránh chồng chéo trong phạm vi kiểm toán/thanh tra
- Phối hợp xử lý sai phạm
- Cơ chế theo dõi và báo cáo chung
- Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật

2.3.5. Giải pháp 5: Xây dựng và cập nhật thường xuyên “Tài liệu tổng hợp phát hiện và bài học kinh nghiệm từ các cuộc kiểm toán chi thường xuyên NSDP”

a) Nội dung giải pháp:

- KTNN Khu vực III cần xây dựng và duy trì một file/tài liệu tổng hợp điện tử mang tên: “Tài liệu tổng hợp phát hiện sai phạm và bài học kinh nghiệm kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh các năm 2023-2025 (và cập nhật hàng năm)”.

- Tài liệu này được xây dựng dưới dạng file Excel hoặc Word có cấu trúc rõ ràng, dễ tra cứu, được lưu trên ổ mạng chung của đơn vị và cập nhật sau mỗi cuộc kiểm toán NSDP. Mục đích là để mọi kiểm toán viên có thể nhanh chóng tham khảo khi lập kế hoạch, đánh giá rủi ro và thực hiện kiểm toán.

- Cấu trúc chi tiết của tài liệu gồm các phần chính sau:

+ Phần 1: Tổng quan các cuộc kiểm toán qua các năm

Bảng tóm tắt kết quả kiểm toán chi thường xuyên NSDP năm 2023, 2024, 2025 (số tiền kiến nghị, tỷ lệ thực hiện kiến nghị, các lĩnh vực sai phạm nhiều nhất).

+ Phần 2: Tổng hợp phát hiện theo từng khoản mục trọng yếu (đây là phần quan trọng nhất)

Mỗi khoản mục được trình bày theo bảng với các cột:

STT	Phát hiện sai phạm cụ thể của từng năm	Kiến nghị đã đưa ra	Kết quả thực hiện kiến nghị	Bài học kinh nghiệm cho kiểm toán viên
Khoản mục chi				

2.3.6. Giải pháp 6: Tăng cường áp dụng kiểm toán hoạt động theo mô hình 3E kết hợp kiểm toán tuân thủ

a) Nội dung giải pháp: KTNN Khu vực III cần bổ sung và nâng cao kiểm toán hoạt động theo mô hình 3E (Economy - Efficiency - Effectiveness) vào nội dung kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh, thay vì chỉ tập trung chủ yếu vào kiểm toán tuân thủ như hiện nay.

- Cụ thể, trong kế hoạch kiểm toán, Cẩm nang thủ tục kiểm toán đặc thù và báo cáo kiểm toán, bắt buộc phải có phần đánh giá riêng theo 3 tiêu chí sau:

- Tính kinh tế: Đánh giá việc chi tiêu có tiết kiệm không, có lãng phí không.

- Căn cứ đánh giá: So sánh chi phí thực tế với định mức, tiêu chuẩn, đơn giá nhà nước hoặc chi phí trung bình của các đơn vị tương đương; kiểm tra việc phân bổ, sử dụng dự phòng, lệnh chi tiền có hợp lý không.

KẾT LUẬN

1. Quá trình nghiên cứu

Đề án tập trung phân tích thực trạng công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh trong cuộc kiểm toán ngân sách địa phương do KTNN Khu vực III thực hiện (lấy ví dụ điển hình là cuộc kiểm toán tỉnh Quảng Ngãi năm 2025). Trên cơ sở đó, đề án xây dựng các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng của công tác kiểm toán, phù hợp với Luật Ngân sách Nhà nước 2025 (mô hình ngân sách 3 cấp) và Chiến lược phát triển KTNN đến năm 2030.

2. Vấn đề (hạn chế) chính đã xác định

Qua đánh giá thực trạng tại Chương I, đề án chỉ ra một số hạn chế nổi bật:

- Đánh giá rủi ro kiểm toán còn chung chung, chưa phân hóa theo từng khoản mục trọng yếu.
- Phương án chọn mẫu và tiêu chí chọn mẫu chưa rõ ràng.
- Khai thác dữ liệu TABMIS, eOffice còn hạn chế.
- Nhật ký kiểm toán và hồ sơ kiểm toán thiếu chiều sâu phân tích, xét đoán chuyên môn.
- Cơ chế phối hợp với các cơ quan liên ngành (Thanh tra, Kho bạc, tổ tụng) chưa ổn định, chủ yếu mang tính vụ việc.
- Tính độc lập, khách quan của kiểm toán viên bị ảnh hưởng bởi mối quan hệ quen thuộc lâu năm.

- Năng lực kiểm toán viên chưa đồng đều, đặc biệt trong bối cảnh chuyển sang ngân sách 3 cấp.
- Theo dõi, đôn đốc thực hiện kiến nghị chưa hiệu quả.
Những hạn chế này làm giảm chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng của cuộc kiểm toán.

3. Giải pháp đề xuất

Để khắc phục các hạn chế trên, đề án đưa ra **06 giải pháp cụ thể**:

- (1) Áp dụng mô hình lập kế hoạch kiểm toán dựa trên rủi ro (RBA).
- (2) Khai thác dữ liệu TABMIS, eOffice và áp dụng hướng dẫn thủ tục kiểm toán cho từng nội dung chi thường xuyên trọng yếu
- (3) Xây dựng và tổ chức chương trình đào tạo riêng cho kiểm toán viên kiểm toán chi thường xuyên NSDP cấp tỉnh.
- (4) Xây dựng cơ chế phối hợp chính thức với các cơ quan liên quan tại địa phương.
- (5) Xây dựng và cập nhật thường xuyên “Tài liệu tổng hợp phát hiện và bài học kinh nghiệm từ các cuộc kiểm toán chi thường xuyên NSDP”.
- (6) Tăng cường áp dụng kiểm toán hoạt động theo mô hình 3E (Economy - Efficiency - Effectiveness) kết hợp kiểm toán tuân thủ.

4. Kết quả dự kiến đạt được

Sau khi triển khai đồng bộ 06 giải pháp (dự kiến từ năm 2026-2028):

- Kế hoạch kiểm toán được lập khoa học hơn, đánh giá rủi ro chi tiết theo từng khoản mục và bao quát tốt các rủi ro trọng yếu;
- Chất lượng bằng chứng kiểm toán, nhật ký và báo cáo kiểm toán được nâng cao rõ rệt, giảm đáng kể sai sót và tăng tính thuyết phục;
- Khối lượng hồ sơ được kiểm tra tăng đáng kể nhờ khai thác hiệu quả dữ liệu điện tử từ TABMIS và eOffice;
- Tỷ lệ kiến nghị được đơn vị chấp nhận và thực hiện đạt trên 90%, trong đó tăng mạnh tỷ lệ kiến nghị chấn chỉnh quản lý;
- Năng lực đội ngũ kiểm toán viên được nâng cao đồng đều, đáp ứng tốt yêu cầu của mô hình ngân sách 3 cấp và chuyển đổi số;

Công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh tại KTNN Khu vực III trở nên chuyên nghiệp, hiệu quả, minh bạch và tạo giá trị gia tăng rõ nét cho quản lý tài chính công tại địa phương

5. Bài học kinh nghiệm rút ra

Qua quá trình nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh tại KTNN Khu vực III, đề án rút ra một số bài học kinh nghiệm quan trọng sau:

- Lập kế hoạch kiểm toán phải dựa trên đánh giá rủi ro chi tiết theo từng khoản mục là yếu tố quyết định chất lượng toàn bộ cuộc kiểm toán. Việc đánh giá rủi ro chung chung và chọn mẫu theo kinh nghiệm sẽ dẫn đến bỏ sót nhiều sai phạm trọng yếu, như trường hợp dự phòng ngân sách

và lệnh chi tiền trong cuộc kiểm toán năm 2024 tại tỉnh Quảng Ngãi.

- Khai thác tối đa dữ liệu điện tử (TABMIS, eOffice) là xu hướng tất yếu để nâng cao hiệu quả kiểm toán. Chỉ dựa vào hồ sơ giấy sẽ làm chậm tiến độ và giảm độ tin cậy của bằng chứng kiểm toán.

- Kiểm soát chất lượng phải được thực hiện chặt chẽ và có điểm kiểm soát bắt buộc tại từng giai đoạn của quy trình kiểm toán. Nhật ký kiểm toán chỉ ghi “đã kiểm tra hồ sơ” sẽ không đảm bảo tính thuyết phục và giá trị gia tăng của báo cáo kiểm toán.

- Đào tạo, bồi dưỡng định kỳ và có trọng tâm là giải pháp then chốt để nâng cao năng lực kiểm toán viên, đặc biệt trong bối cảnh chuyển sang mô hình ngân sách 3 cấp theo Luật NSNN 2025.

- Phối hợp liên ngành (với Thanh tra, Kho bạc, cơ quan tổ tụng) phải được thể chế hóa bằng quy chế chính thức thay vì chỉ phối hợp theo vụ việc. Đây là yếu tố quan trọng giúp tránh chồng chéo, tiết kiệm nguồn lực và tăng hiệu lực xử lý sai phạm.

- Kinh nghiệm thực tiễn từ nhiều năm là tài sản quý báu. Việc tổng hợp phát hiện sai phạm và bài học kinh nghiệm từ các cuộc kiểm toán trước (2023-2025) thành một tài liệu chung sẽ giúp kiểm toán viên rút ngắn thời gian nghiên cứu, giảm sai sót lặp lại và nâng cao chất lượng kiến nghị.